

## BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ TỪ GÓC NHÌN CỦA NAM GIỚI GÂY BẠO LỰC TẠI QUẢNG NINH

Hoàng Tuyết Mai<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup>Khoa Văn hóa, Trường Đại học Hạ Long

\* Email: [hoangtuyetmai@daihochalong.edu.vn](mailto:hoangtuyetmai@daihochalong.edu.vn)

Ngày nhận bài: 19/04/2022

Ngày nhận bài sửa sau phân biên: 23/02/2023

Ngày chấp nhận đăng: 12/03/2023

### TÓM TẮT

Bạo lực gia đình hiện đang là vấn nạn ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tổ chức Y tế thế giới WHO đã nhận định, người gây ra bạo lực gia đình chủ yếu là nam giới và tại Việt Nam có đến hơn 95% vụ việc bạo lực gia đình gây ra bởi người chồng. Tuy nhiên, cho đến nay, nghiên cứu về đối tượng gây bạo lực cho người phụ nữ ít được quan tâm. Chính vì vậy, bài viết này tập trung phân tích các hành vi bạo lực của người chồng đối với vợ từ sự thừa nhận của người chồng với việc sử dụng 300 mẫu định lượng và 23 mẫu định tính ở ba khu vực khác nhau, đặc trưng cho đặc điểm địa hình tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các đặc điểm của nam giới gồm thu nhập, trình độ học vấn, khu vực sinh sống và độ tuổi là nguồn gốc để nảy sinh ra những hành vi bạo lực của họ. Ngoài ra, sự tác động của các yếu tố thuộc về cơ quan quản lý có trách nhiệm và chất lượng của các dịch vụ công tác xã hội với nam giới nhằm giảm thiểu bạo lực gia đình ảnh hưởng đến việc hạn chế các hành vi bạo lực của nam giới với vợ. Dựa trên kết quả phân tích, bài viết gợi ra một số giải pháp nhằm huy động sự tham gia của nam giới vào việc phòng chống bạo lực gia đình và thúc đẩy các dịch vụ công tác xã hội với nam giới gây ra bạo lực ở Việt Nam triển khai hiệu quả.

**Từ khóa:** bạo lực gia đình, dịch vụ công tác xã hội, giảm thiểu bạo lực gia đình, nam giới gây bạo lực, phòng chống bạo lực gia đình.

### DOMESTIC VIOLENCE AGAINST WOMEN FROM THE PERSPECTIVE OF MEN PERPETRATING VIOLENCE IN QUANG NINH PROVINCE

#### ABSTRACT

Domestic violence is a growing concern in many countries, including Vietnam. The World Health Organization (WHO) has identified that the perpetrators of domestic violence are mainly men (WHO, 1998). In Vietnam, there are also more than 95% of domestic violence cases caused by husbands (UNODC Viet Nam, 2011). However, little attention has been paid to research on the topic of violence against women so far. This study focuses on analyzing the husband's violent behaviors towards his wife from the husband's admission. These behaviors are classified according to groups of different characteristics in practice in Quang Ninh Province. This study mainly uses qualitative and quantitative research methods, including 300 quantitative and 23 qualitative samples in 3 different areas, which are characteristics of typical topographic features of Quang Ninh Province. Results show that men's income, academic level, region of residence, and age are the causes of their acts of violence. Besides, factors under the responsibility of management agencies and the quality of social work services for men also have an impact on reducing domestic violence and limiting violent behaviors of men against their wives. The study recommends several strategies based on the findings to encourage men to prevent domestic violence and promote the effective implementation of social work services for men causing violence in Vietnam.

**Keywords:** domestic violence, limiting violent behaviors, men perpetrating violence, preventing domestic violence, social work services.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gia đình là tổ ấm hạnh phúc của mỗi người nhưng lại có thể biến thành địa ngục đối với phụ nữ, khi mà họ bị tước đoạt quyền tự do và quyền tự chủ của chính mình. Ở Việt Nam, vấn đề bạo lực gia đình (BLGD) bắt đầu được quan tâm từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỉ XX. Một số nghiên cứu quốc gia trong hơn 10 năm qua đã cho thấy mức độ phổ biến và tính nghiêm trọng của tình trạng này. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, tỉ lệ BLGD tăng từ 30% đến 300% ở khắp mọi nơi trên thế giới, trong đó, trẻ em và phụ nữ vừa là người chứng kiến vừa là nạn nhân. Tại Việt Nam, tỉ lệ BLGD tăng ít nhất 30% (MOLISA, GSO & UNFPA, 2020).

BLGD có thể được hạn chế, có thể được xoá bỏ bởi chính những người đàn ông trong gia đình, người đã gây ra bạo lực đối với trẻ em và phụ nữ. Trong những năm gần đây, nhiều tổ chức quốc tế, cũng như các tổ chức xã hội và phi chính phủ trong nước đã quan tâm tới việc kêu gọi sự tham gia của nam giới vào công tác nâng cao bình đẳng giới, phòng chống và giảm thiểu BLGD thông qua các dịch vụ công tác xã hội (CTXH) hỗ trợ cho nam giới gây bạo lực. Việc tác động đến nam giới, đối tượng chính gây ra bạo lực trong các vụ bạo lực với phụ nữ, phải trên cơ sở hiểu biết đầy đủ và chính xác về đặc điểm nhân khẩu học, góc nhìn, quan niệm, hệ thống giá trị mà họ đang sử dụng để chống lại phụ nữ.

Các nghiên cứu về góc nhìn của nam giới gây ra các hành vi BLGD với phụ nữ hiện nay không có nhiều và ít được nghiên cứu. Các nghiên cứu về BLGD hiện nay chủ yếu khai thác thông tin từ người vợ – những nạn nhân chính của BLGD. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra bức tranh BLGD đối với người vợ, đồng thời chỉ ra các yếu tố tác động đến việc gây ra bạo lực gồm độ tuổi, học vấn, mức thu nhập và khu vực sinh sống. Kết quả điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 đã chỉ ra: (1) Phụ nữ trẻ hơn và kết hôn sớm được cho là có nguy cơ bị bạo lực cao hơn vì tuổi trẻ và sự thiếu kinh nghiệm của họ

có thể hạn chế quyền lực trong mối quan hệ của họ; (2) Phụ nữ có trình độ học vấn thấp có nguy cơ cao bị bạo lực bởi nhận thức hạn hẹp khiến họ không nhận được sự tôn trọng từ phía đàn ông trong gia đình cũng như năng lực chống lại sự bạo lực từ phía người chồng; (3) Phụ nữ không có việc làm phụ thuộc kinh tế vào chồng/bạn tình có nguy cơ bị chồng/bạn tình bạo lực nhiều hơn bởi với nguồn lực kinh tế ít ỏi, khi phụ nữ bị ngược đãi, họ không thể dễ dàng rời bỏ chồng/bạn tình và ít có khả năng thương lượng để thay đổi; (4) Phụ nữ sống ở khu vực miền núi và Tây Nguyên có tỉ lệ bị bạo lực cao nhất trên cả nước (MOLISA, GSO & UNFPA, 2020).

Tỉnh Quảng Ninh được ví như Việt Nam thu nhỏ với đặc điểm địa hình tiêu biểu cho cả nước gồm cả đồng bằng, trung du, miền núi, biển và hải đảo. Quảng Ninh là địa phương luôn đạt bước tăng trưởng kinh tế, văn hoá – xã hội trong nhóm các tỉnh cao nhất của Việt Nam. Đặc biệt trong mạng lưới CTXH trên cả nước, tỉnh Quảng Ninh là một trong những địa phương đi đầu trong công tác phòng chống BLGD và luôn quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới. Quảng Ninh đã triển khai đa dạng các chương trình, mô hình dịch vụ CTXH nhằm đẩy lùi tình trạng BLGD bao gồm cả nhóm nam giới gây ra bạo lực.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### *Địa bàn và thời gian nghiên cứu*

Nghiên cứu đã được tiến hành từ tháng 4/2019 – 11/2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại ba khu vực đại diện cho đặc điểm địa lí của tỉnh bao gồm huyện đảo Vân Đồn, thành phố Hạ Long và huyện Hải Hà.

### *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

Trong điều tra định lượng, phiếu trưng cầu ý kiến được thiết kế nhằm tìm hiểu thực trạng các hành vi bạo lực của người chồng với vợ và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của nam giới gây bạo lực với các dịch vụ CTXH để giảm thiểu BLGD. Mẫu nghiên cứu gồm 300 nam giới với các đặc điểm cá nhân như được trình bày ở Bảng 1.

**Bảng 1. Mô tả đối tượng nam giới tham gia trả lời khảo sát (N=300)**

| TT | Đặc điểm                  | Tiêu chí                  | Số lượng | Tỉ lệ |
|----|---------------------------|---------------------------|----------|-------|
| 1  | Độ tuổi                   | Dưới 40 tuổi              | 183      | 61,0  |
|    |                           | Trên 40 tuổi              | 117      | 39,0  |
| 2  | Nơi sinh sống             | Vân Đồn                   | 100      | 33,3  |
|    |                           | Hải Hà                    | 91       | 30,3  |
|    |                           | Hạ Long                   | 109      | 36,3  |
| 3  | Trình độ học vấn          | THCS trở xuống            | 118      | 39,3  |
|    |                           | THPT                      | 144      | 48,0  |
|    |                           | Cao đẳng, đại học trở lên | 38       | 12,7  |
| 4  | Thu nhập bình quân /tháng | Dưới 5 triệu              | 196      | 65,3  |
|    |                           | Trên 5 triệu              | 104      | 34,7  |

**Bảng 2. Các hành vi bạo lực theo hình thức bạo lực**

| Bạo lực tinh thần  | Bạo lực thể chất  | Bạo lực tình dục  | Bạo lực kinh tế   |
|--|---|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong lúc bực tức có những lời lẽ khiếm nhã khiến vợ bị tổn thương vì cảm thấy không được tôn trọng.</li> <li>- Trong lúc nóng giận có lời nói hoặc hành vi ứng xử không bình thường khiến vợ cảm thấy bị coi thường hoặc làm vợ xấu hổ trước những người khác.</li> <li>- Trong lúc bực tức có những hành vi như quát mắng, quát mắng, đập phá đồ đạc đe dọa nạt, đe dọa vợ.</li> <li>- Trong lúc bực tức vì lí do nào đó đã dọa đuổi vợ mình ra khỏi nhà.</li> <li>- Trong lúc bực tức đã tỏ thái độ không cho vợ gặp gỡ bạn bè.</li> <li>- Trong lúc bực tức đã hạn chế vợ liên lạc với gia đình đẻ/ruột của vợ.</li> <li>- Có lúc nghi ngờ vợ không chung thủy nên muốn biết vợ ở đâu vào bất cứ khi nào.</li> <li>- Không thích vợ tham gia các hoạt động bên ngoài nên đã tìm cách ngăn cản.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong lúc tức giận không tự kiểm soát được đã lỡ tay tát vợ.</li> <li>- Trong lúc tức giận không tự kiểm soát được đã ném đồ vật làm vợ bị đau hoặc bị thương.</li> <li>- Trong lúc tức giận không tự kiểm soát được đã xô đẩy hoặc vặn tay, túm tóc vợ.</li> <li>- Trong lúc tức giận không tự kiểm soát được đã đâm hoặc đánh bằng vật gì đó làm vợ bị đau hoặc bị thương.</li> <li>- Trong lúc tức giận, không tự kiểm soát được đã đá, kéo lê, đánh đập mạnh.</li> <li>- Trong lúc tức giận không tự kiểm soát được đã bóp cổ, làm nghẹt thở, làm bóng vợ.</li> <li>- Trong lúc tức giận không tự kiểm soát được đã dọa sử dụng hoặc có sử dụng súng, dao hoặc vũ khí với vợ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ép buộc vợ phải có hành vi kích dục mà vợ không muốn.</li> <li>- Dùng vũ lực cưỡng ép vợ phải quan hệ tình dục khi vợ không muốn.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cho vợ tìm việc, đi làm, buôn bán, kiếm tiền hoặc tham gia vào những việc có thể tạo ra thu nhập.</li> <li>- Lấy tiền vợ kiếm được dù vợ không đồng ý.</li> <li>- Từ chối đưa vợ tiền lo cho sinh hoạt gia đình ngay cả khi anh có tiền chi tiêu cho các việc khác (như rượu và thuốc lá).</li> <li>- Ép buộc vợ có nghĩa vụ về tài chính với anh/gia đình họ nhà anh.</li> <li>- Yêu cầu vợ phải có sự đồng ý của anh cho các khoản chi tiêu cá nhân nào của vợ.</li> </ul> |

(\* Biến số độc lập bao gồm: tuổi, học vấn, thu nhập, khu vực sinh sống với các phân nhóm như đã nêu ở Bảng 1)

### Phương pháp phỏng vấn sâu

Đối tượng tham gia phỏng vấn phục vụ cho việc khảo sát bao gồm 23 người, trong đó: 06 người là nữ giới (nạn nhân của các vụ BLGD), 06 người là nam giới (người đã từng có hành vi BLGD), 03 cán bộ Hội phụ nữ; 03 nhân viên CTXH; 03 lãnh đạo phòng Văn hoá – Thông tin, phòng Lao động – Thương binh và Xã hội của địa bàn khảo sát; 01 lãnh đạo Sở Lao động Thương binh và Xã hội; 01 lãnh đạo Trung tâm CTXH tỉnh Quảng Ninh.

### Phương pháp toạ đàm nhóm

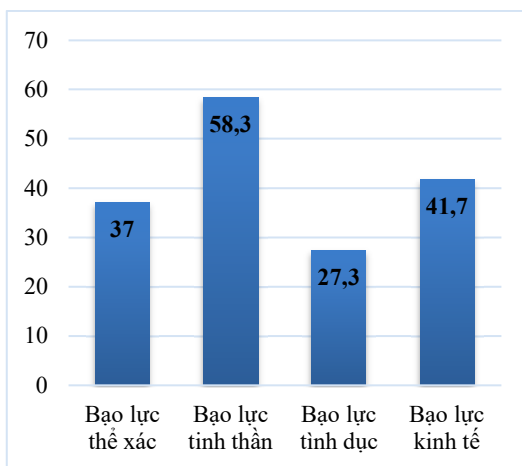
Tổ chức 06 toạ đàm nhóm tại 03 địa bàn khảo sát với 09 người là nam giới gây ra BLGD và 09 người là cán bộ quản lý có trách nhiệm và nhân viên CTXH. Nội dung toạ đàm nhóm nhằm tìm hiểu các nguyên nhân sâu xa của nam giới gây ra các hành vi bạo lực với vợ và đánh giá được những thuận lợi khó khăn của nam giới khi tiếp cận với các dịch vụ CTXH nhằm giảm thiểu BLGD.

### Phương pháp phân tích số liệu

Biến số phụ thuộc là các hành vi BLGD được nhóm thành bốn nhóm, trình bày ở Bảng 2 (đo lường theo 24 tháng do số mẫu nhỏ).

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Mức độ phổ biến các hành vi bạo lực của chồng đối với vợ



**Hình 1. Tỷ lệ hành vi bạo lực của nam giới với vợ trong vòng 24 tháng (%)**

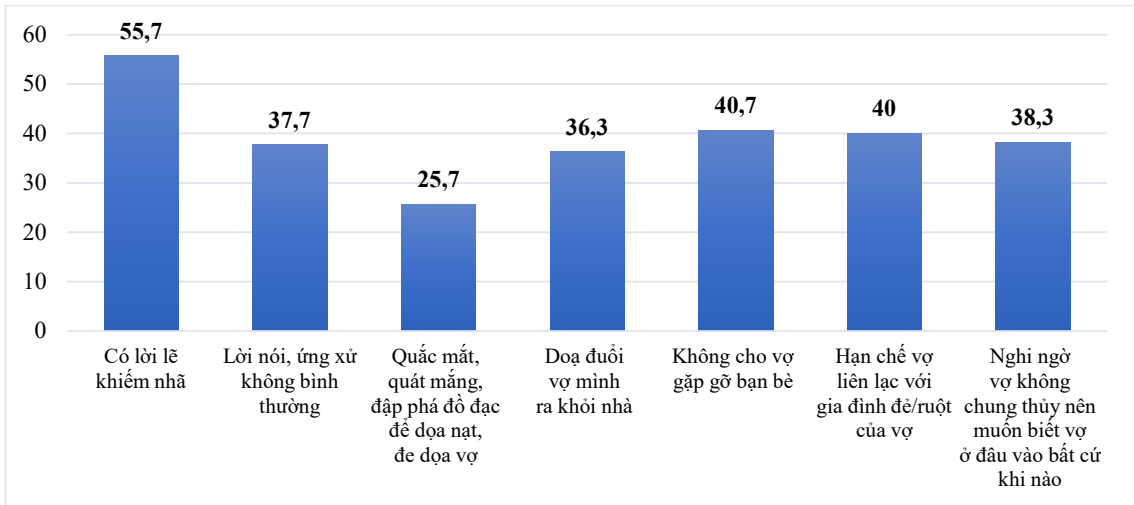
Nghiên cứu đã đưa ra câu hỏi để đánh giá thực trạng hành vi bạo lực của nam giới với

vợ của mình được đo lường trong mốc thời gian là 24 tháng tính từ thời điểm người trả lời câu hỏi khảo sát ngược về trước bằng cách liệt kê các hành vi và nam giới có thể lựa chọn nhiều phương án. Kết quả nghiên cứu được đo theo từng hành vi bạo lực, trong đó mỗi hành vi bạo lực có thể thuộc các loại hình bạo lực khác nhau. Do đó, tổng tỉ lệ của bốn nhóm bạo lực không bằng 100%. Phân tích câu trả lời của nam giới lựa chọn, kết quả cho thấy, tình trạng bạo lực của nam giới diễn ra trên cả bốn nhóm bạo lực với đa dạng các hành vi khác nhau, trong đó hành vi bạo lực tinh thần là dạng bạo lực nam giới sử dụng nhiều nhất sau đó đến bạo lực kinh tế, bạo lực thể xác và ít nhất là hành vi bạo lực tinh dục (Hình 1).

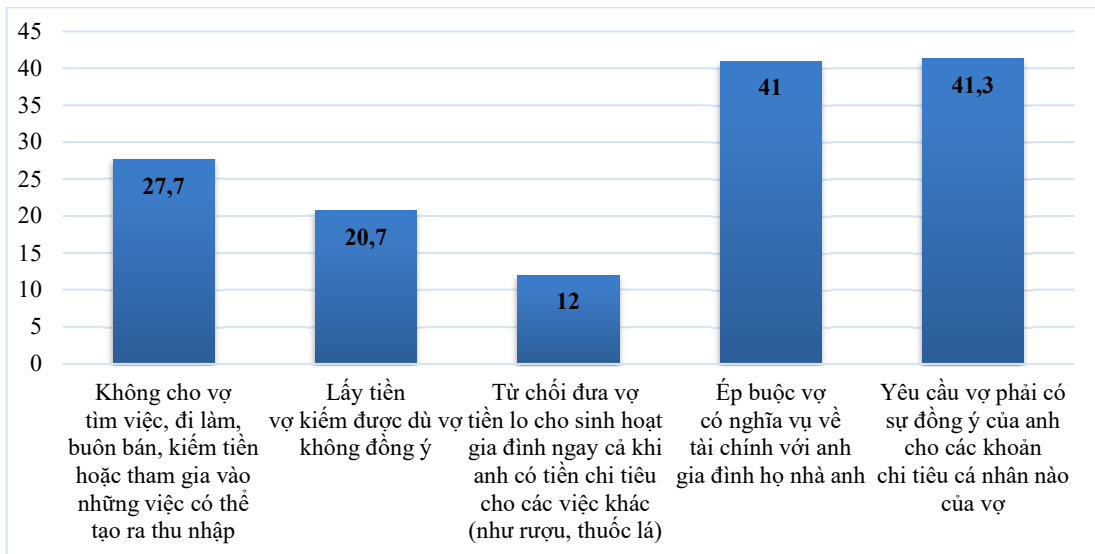
#### 3.1.1. Bạo lực tinh thần

Theo kết quả khảo sát, hành vi bạo lực nhiều nhất mà nam giới sử dụng là các hành vi bạo lực tinh thần chiếm đến 58,3%. Qua trao đổi, các cán bộ, lãnh đạo, đội ngũ nhân viên CTXH và các cán bộ có trách nhiệm liên quan đều đánh giá, bạo lực tinh thần là phổ biến và nhiều nhất trong bốn nhóm bạo lực ở địa phương khảo sát. Trong các hành vi bạo lực tinh thần, hành vi nam giới thường xuyên sử dụng nhất là *Trong lúc bực tức có lời lẽ khiếm nhã khiến vợ bị tổn thương và cảm thấy không được tôn trọng* (55,7%). Kế tiếp là nhóm hành vi kiểm chế vợ mình với các mối quan hệ bên ngoài bao gồm: *Không cho vợ gặp gỡ bạn bè* (40,7%), *Hạn chế vợ liên lạc với gia đình cha mẹ đẻ* (40%), *Nghĩ ngờ vợ không chung thủy nên muốn kiểm soát* (38,3%) (Hình 2).

Lí giải điều này thông qua phỏng vấn sâu các đối tượng, đa số các ý kiến đều cho rằng: khi kinh tế phát triển, xã hội văn minh, giáo dục được đề cao thì con người cũng ngày càng văn minh hơn. Do đó, tình trạng diễn ra các hành vi bạo lực về mặt thể xác sẽ ngày càng giảm thay vào đó sẽ gia tăng các hành vi bạo lực tinh thần nhằm đánh vào mặt tâm lí tình cảm bên trong con người. Biểu hiện cho hành vi bạo lực tinh thần đầu tiên, dễ nhất và nhanh nhất là người đàn ông buông ra những lời lẽ khiếm nhã làm tổn thương tinh thần của người phụ nữ.



Hình 2. Tỷ lệ các hành vi bạo lực tinh thần của nam giới với vợ trong vòng 24 tháng (%)



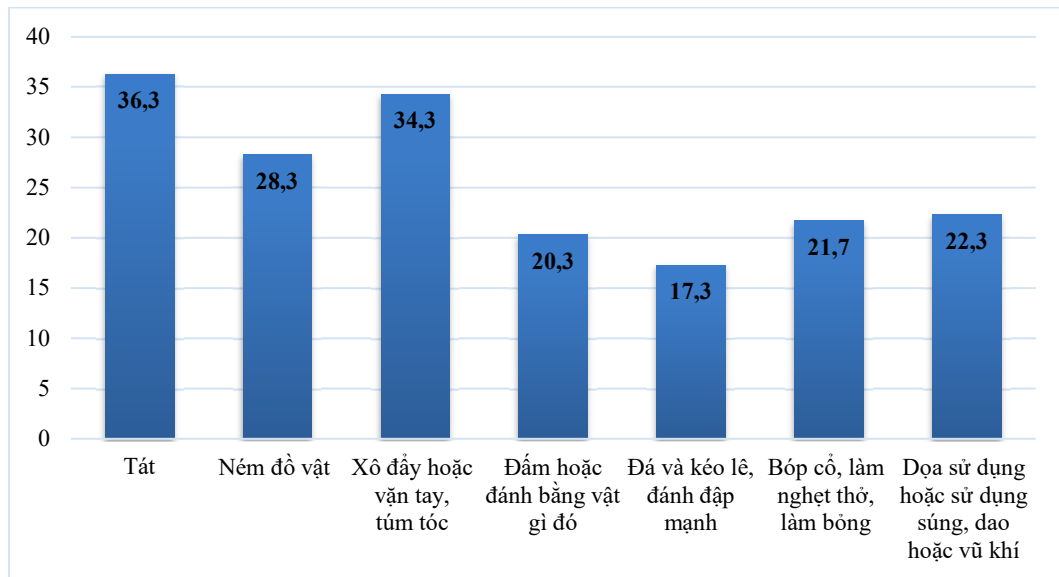
Hình 3. Tỷ lệ các hành vi bạo lực kinh tế của nam giới với vợ trong vòng 24 tháng (%)

### 3.1.2. Bạo lực kinh tế

Theo kết quả khảo sát, nam giới có các hành vi bạo lực kinh tế với vợ nhiều thứ hai trong bốn nhóm bạo lực, có 41,7% nam giới từng có hành vi bạo lực kinh tế với vợ của mình trong vòng 24 tháng qua. Trong đó, hành vi nam giới *Yêu cầu vợ phải có sự đồng ý của mình cho các khoản chi tiêu cá nhân nào của vợ* có tỉ lệ cao nhất với 41,3%, tiếp theo là hành vi *Ép buộc vợ có nghĩa vụ về tài chính với anh/gia đình họ nhà anh* với 41% (Hình 3).

Đây là một trong những điểm mới khi các hành vi bạo lực về mặt kinh tế của người

chồng với vợ đang có xu hướng gia tăng trong thời gian gần đây. Đặt vào bối cảnh năm 2020 là một năm nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng bị sụt giảm nghiêm trọng do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn ra dẫn tới các hệ quả nghiêm trọng, trong đó nặng nề nhất là hàng triệu người lao động bị thất nghiệp, họ có thể là những người chồng đang là trụ cột kinh tế của gia đình, hoặc có thể là người vợ hàng ngày phải lo toan cái ăn, cái mặc cho cả nhà do đó bài toán kinh tế khiến họ đau đầu tính toán và gia đình phải thắt chặt lại chi tiêu trong khoảng thời gian khó khăn này.



Hình 4. Tỷ lệ các hành vi bạo lực thể xác của nam giới với vợ trong vòng 24 tháng (%)

### 3.1.3. Bạo lực thể xác

Tỷ lệ bạo lực thể xác do chồng gây ra với người vợ trong vòng 24 tháng qua là 37% đứng vị trí thứ ba về mức độ phổ biến trong bốn nhóm hành vi bạo lực. Trong đó, hành vi bạo lực chủ yếu mà nam giới sử dụng là *Tát* chiếm tới 36,3% tiếp theo sau đó là hành vi nam giới *Xô đẩy hoặc vịn tay, túm tóc* vợ với 34,3%, hành vi *Ném đồ vật* chiếm 28,3%. Các hành vi nặng nề hơn như *Đọa sử dụng hoặc có sử dụng súng, dao hoặc vũ khí* chiếm 22,3% và *Bóp cổ, làm nghẹt thở, làm bồng* chiếm 21,7% (Hình 4)

Hành vi bạo lực thể xác là hành vi tàn bạo nhất trong bốn nhóm hành vi và cũng gây nên những hậu quả nghiêm trọng nhất đến bản thân nạn nhân bị bạo lực là nữ giới và các thành viên khác trong gia đình. Tỷ lệ phổ biến của hành vi bạo lực thể xác càng thấp hơn so với các nhóm hành vi bạo lực khác sẽ là một dấu hiệu tốt cho đến khi nó được giảm thiểu và loại bỏ hoàn toàn bởi những tác hại của nó đem đến là vô cùng đau thương. Tỷ lệ các hành vi bạo lực của nam giới lên thể xác của người vợ là khá cao và đồng đều khi các tỷ lệ có sự chênh lệch không đáng kể giữa các biểu hiện của hành vi bạo lực.

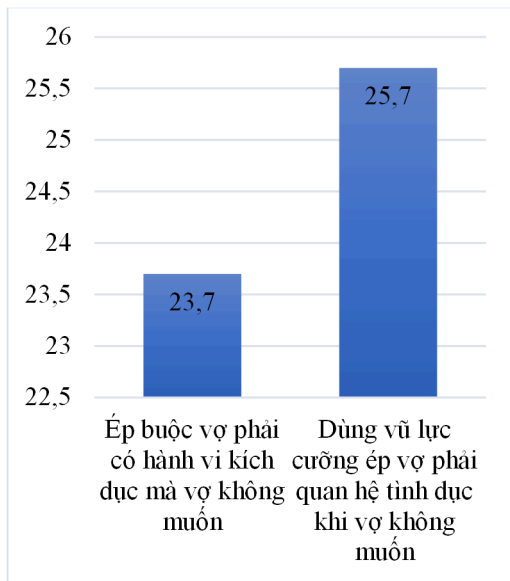
### 3.1.4. Bạo lực tình dục

Tình dục là một vũ khí để giữ lửa cho hạnh phúc hôn nhân vì nó liên quan trực tiếp đến

vấn đề tâm sinh lý trong đời sống của mỗi vợ chồng. Do đó, cũng có thể nói, tình dục quyết định rất nhiều đến hạnh phúc lâu bền trong mối quan hệ hôn nhân. Trong kết quả điều tra mới nhất của quốc gia về BLGD 2019, tỷ lệ bạo lực tình dục tăng lên so với kết quả cuộc điều tra vào năm 2009 (MOLISA, GSO & UNFPA, 2020). Ngày nay, khi vấn đề tình dục ngày càng được chia sẻ cởi mở hơn vì nó được coi như vấn đề bình thường tất yếu của cuộc sống hiện đại, tỷ lệ phụ nữ sẵn sàng chia sẻ và thừa nhận mình từng bị chồng bạo lực về mặt tình dục cũng nhiều hơn.

Đối với nam giới cũng vậy, khảo sát thu được kết quả khá mới mẻ khi tỷ lệ bạo lực tình dục của nam giới với vợ là 27,3%. Tỷ lệ hành vi bạo lực tình dục mà nam giới sử dụng nhiều nhất là *Dùng vũ lực cưỡng ép vợ phải quan hệ tình dục khi vợ không mong muốn* (chiếm 25,7%), sau đó là việc *Ép buộc vợ phải có hành vi kích dục mà vợ không mong muốn* (chiếm 23,7%) (Hình 5).

Dựa trên khoa học sức khỏe, nam giới luôn có xu hướng tính dục cao hơn nữ giới, đặc biệt ở phụ nữ có sự giảm dần ham muốn sau quá trình sinh con. Do đó, trong quá trình phỏng vấn sâu những người vợ, tác giả nhận thấy nhiều người chồng sử dụng việc cưỡng ép người vợ quan hệ tình dục như một cách thức phổ biến trong bạo lực.



**Hình 5. Tỷ lệ các hành vi bạo lực tình dục của nam giới với vợ trong vòng 24 tháng (%)**

### 3.2. Các yếu tố liên quan đến hành vi bạo lực của chồng đối với vợ

#### 3.2.1. Các yếu tố về đặc điểm nhân khẩu – xã hội của nam giới

Trong nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp chạy tương quan Pearson nhằm

kiểm tra mối tương quan giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập. Có thể thấy, các yếu tố về đặc điểm nhân khẩu – xã hội của nam giới có mối liên quan chặt chẽ với tỉ lệ gây bạo lực gồm có: 1) trình độ học vấn, 2) thu nhập, 3) khu vực sinh sống, 4) độ tuổi như trình bày ở Bảng 2.

Qua phân tích cho thấy, trình độ học vấn của nam giới quyết định loại hành vi bạo lực sử dụng với vợ. Nam giới có trình độ học vấn phổ thông trung học trở lên có hành vi bạo lực tinh thần với vợ cao hơn đáng kể so với người chồng có học vấn thấp hơn. Trong khi đó, nam giới có trình độ càng thấp thường sử dụng các hành vi bạo lực thể xác càng nhiều. Nam giới có thu nhập thấp thể hiện cho mức sống của gia đình thấp có tỉ lệ gây bạo lực với vợ cao hơn đáng kể so với nhóm thu nhập cao hơn ở tất cả các hình thức bạo lực với vợ. Ngoài ra, nam giới sinh sống ở khu vực huyện miền núi Hải Hà có tỉ lệ gây các hành vi bạo lực cao hơn nhiều so với nam giới sống ở khu vực huyện đảo Vân Đồn. Điểm lưu ý là tỉ lệ nam giới gây bạo lực với vợ ở thành phố Hạ Long cao hơn đáng kể so với huyện đảo Vân Đồn và không khác biệt nhiều so với huyện Hải Hà.

**Bảng 2. Phân bố tỉ lệ các loại hình BLGD theo đặc điểm của nam giới (%)**

| Hình thức bạo lực                  | Bạo lực tinh thần | Bạo lực thể xác | Bạo lực tình dục | Bạo lực kinh tế |      |
|------------------------------------|-------------------|-----------------|------------------|-----------------|------|
| Độ tuổi nam giới                   | Mức ý nghĩa       | 0,04            | 0,55             | 0,29            | 0,36 |
|                                    | Dưới 40 tuổi      | 62,8            | 21,9             | 29,5            | 43,7 |
|                                    | Trên 40 tuổi      | 51,3            | 24,8             | 23,9            | 38,5 |
| Khu vực sinh sống                  | Mức ý nghĩa       | 0,00            | 0,38             | 0,00            | 0,00 |
|                                    | Vân Đồn           | 34,0            | 19,0             | 12,0            | 24,0 |
|                                    | Hải Hà            | 71,4            | 27,5             | 38,5            | 47,3 |
| Trình độ học vấn                   | Mức ý nghĩa       | 0,05            | 0,00             | 0,31            | 0,89 |
|                                    | CĐ – ĐH trở lên   | 68,4            | 8,0              | 22,9            | 38,1 |
|                                    | THPT              | 62,5            | 25,7             | 29,2            | 40,3 |
| Thu nhập bình quân/tháng của chồng | Mức ý nghĩa       | 0,00            | 0,00             | 0,00            | 0,00 |
|                                    | Dưới 5 triệu      | 64,8            | 31,6             | 36,7            | 52,6 |
|                                    | Trên 5 triệu      | 35,2            | 6,7              | 9,6             | 21,2 |

(Mức ý nghĩa thống kê:  $P \leq 0,05$ )

**Bảng 3. Tỷ lệ đồng ý các nguyên nhân các dịch vụ CTXH với nam giới GBL nhằm giảm thiểu BLGD chưa đáp ứng được nhu cầu của nam giới xét theo khu vực sinh sống (%)**

| Nội dung   | Chung | Vân Đồn | Hải Hà | Hạ Long |
|--|-------|---------|--------|---------|
| Đối tượng/ khách hàng chưa biết hoặc chưa tin tưởng vào các dịch vụ hỗ trợ | 59,0  | 40,0    | 68,1   | 68,8    |
| Ít nhân viên hỗ trợ  | 57,7  | 51,0    | 73,6   | 50,5    |
| Hoạt động/chương trình hỗ trợ chưa phù hợp và không có hướng dẫn cụ thể    | 52,0  | 43,0    | 47,3   | 64,2    |
| Thái độ cơ quan cung cấp dịch vụ chưa tốt                                  | 48,3  | 33,0    | 62,6   | 50,5    |
| Nhân viên xã hội thiếu chuyên nghiệp, kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế | 47,7  | 34,0    | 63,7   | 46,8    |
| Hoạt động hỗ trợ chưa đa dạng, chưa đáp ứng được nhu cầu của khách hàng    | 47,0  | 38,0    | 60,4   | 44,0    |
| Thông tin không rõ ràng  | 45,0  | 33,0    | 62,6   | 50,5    |
| Các cơ quan chức năng phối hợp chưa hiệu quả thiếu tính liên kết           | 43,7  | 29,0    | 51,6   | 50,5    |
| Thời gian hỗ trợ còn ngắn và qua loa                                       | 41,7  | 25,0    | 57,1   | 44,0    |
| Các dịch vụ hỗ trợ còn chậm, thủ tục giấy tờ chồng chéo                    | 33,0  | 26,0    | 41,8   | 32,1    |

*Thứ nhất, về trình độ học vấn*

Xét về trình độ học vấn, nam giới có trình độ học vấn từ cao đẳng, đại học trở lên có hành vi gây bạo lực tinh thần với vợ nhiều nhất với 68,4%. Nam giới có trình độ THCS trở xuống có hành vi bạo lực thể xác là chủ yếu, chiếm tới 81,6%. Hành vi bạo lực thể xác có xu hướng giảm dần khi trình độ học vấn lên cao hơn với 25,7% ở trình độ THPT và cực kỳ thấp ở nam giới có trình độ học vấn cao từ cao đẳng, đại học trở lên – chỉ chiếm 8%. Trình độ học vấn của nam giới gây bạo lực có ảnh hưởng rất nhiều đến việc nam giới sử dụng hành vi bạo lực với vợ của mình. Trình độ học vấn càng cao, càng được giáo dục đầy đủ, được tiếp cận được với những văn minh tiến bộ của nhân loại cùng khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ CTXH nhằm phòng chống và giảm thiểu BLGD thì xu hướng sử dụng bạo lực lên thể xác với vợ càng thấp. Ngược lại trình độ học vấn càng thấp thì việc sử dụng hành vi bạo lực bằng tay chân lên thể xác với vợ càng cao.

*Thứ hai, về thu nhập*

Xét theo thu nhập bình quân của nam giới có mức dưới 5 triệu, nam giới chủ yếu gây ra bạo lực trên cả bốn nhóm hình thức bạo lực so với nhóm nam giới có mức thu nhập trên 5 triệu, cụ thể: bạo lực tinh thần chiếm 64,8%, bạo lực kinh tế chiếm 52,6%, bạo lực tình dục

chiếm 36,7% và bạo lực thể xác chiếm 31,6%. Giá cả thị trường ngày càng đắt đỏ, mức sống ngày càng nâng cao hơn, do đó với mức thu nhập dưới 5 triệu sẽ là một bài toán khó để gia đình chi tiêu các khoản hàng tháng một cách đủ và cân đối. Gánh nặng kinh tế từ đó gây ảnh hưởng đến đời sống cũng như mối quan hệ của vợ chồng. Chi tiêu khó khăn khiến tâm lý vợ chồng thường không thoải mái là nguyên nhân gây ra những cãi vã, bức xúc trong lòng.

*Thứ ba, về khu vực sinh sống*

Xét theo khu vực, nam giới huyện Hải Hà có các hành vi bạo lực với vợ gần như cao nhất trong cả ba khu vực, cụ thể: bạo lực tinh thần chiếm 71,4%, bạo lực kinh tế chiếm 47,3%, bạo lực tình dục chiếm 38,5% và bạo lực thể xác chiếm 27,5%. Huyện Hải Hà là huyện miền núi với 12 dân tộc anh em sinh sống nên dân cư ở đây sinh sống chủ yếu bằng nghề nông. Đây cũng là một phần lí do giải thích tại sao nam giới ở đây có tỉ lệ bạo lực cao nhất trong ba khu vực.

Các hành vi về bạo lực kinh tế được ghi nhận đến từ các nam giới sống ở khu vực thành phố Hạ Long. Mức độ phổ biến của các hành vi bạo lực ở huyện Vân Đồn lại đạt được sự thấp nhất ở cả ba nhóm hành vi bạo lực. Trong ba khu vực trên, thành phố Hạ Long là trung tâm kinh tế của tỉnh với mức sống cao,

chi tiêu đất đỏ, nhưng ở huyện Vân Đồn lại ngược lại. Do đó, kinh tế gia đình sinh sống ở Hạ Long cũng phải luôn điều chỉnh để phù hợp với đời sống và mức sống ở trung tâm thành phố. Nam giới thường là trụ cột trong gia đình sẽ phải chịu những áp lực để cân bằng cuộc sống nên có các hành vi bạo lực về mặt kinh tế với vợ cũng là điều khó tránh khỏi trong cuộc sống gia đình. Điều này lại ngược lại so với ở huyện Vân Đồn, mức sống cơ bản nên gia đình có thể thoải mái trong chi tiêu hơn và chấp nhận cuộc sống bình thường nơi hải đảo không nhộn nhịp, sôi động như ở trung tâm thành phố. Như vậy, ở những khu vực trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội phát triển, nguy cơ xảy ra bạo lực kinh tế cao hơn ở những khu vực kém phát triển hơn.

#### *Thứ tư, về độ tuổi*

Xét theo độ tuổi, nam giới dưới 40 tuổi gây bạo lực tinh thần nhiều nhất trong bốn nhóm bạo lực với tỉ lệ 62,8%. Ở độ tuổi dưới 40, nam giới vẫn đang thuộc độ tuổi thanh niên, đàn ông mới kết hôn hoặc đã kết hôn một thời gian ngắn, cuộc sống hôn nhân trong giai đoạn thử thách bản lĩnh và tính khí của đàn ông. Bước vào giai đoạn đầu của hôn nhân với độ tuổi của nam giới còn trẻ, dễ nóng giận, do đó không tránh được những bất đồng về mặt quan điểm và lối sống; hệ quả là những cãi vã hay to tiếng thường dễ dàng xảy ra. Một điểm đặc biệt khi tiến hành phỏng vấn sâu 03 nam giới gây bạo lực và 03 nữ giới là nạn nhân của bạo lực thì độ tuổi của những người đàn ông có hành vi gây bạo lực cả tinh thần lẫn thể xác đều dưới 40 tuổi, dao động từ 25 – 38 tuổi.

#### *3.2.2. Các yếu tố khác*

*Thứ nhất, yếu tố thuộc về cơ quan quản lý có trách nhiệm*

Đội ngũ nhân viên CTXH và cán bộ địa phương có liên quan là những người trực tiếp giúp nam giới được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ CTXH. Trong hoạt động tọa đàm nhóm với các cán bộ là cơ quan cung cấp dịch vụ, họ đều thừa nhận sự ít quan tâm tích cực trong công tác triển khai các hoạt động truyền thông về phòng chống bạo lực với nam giới ở độ tuổi vị thành niên do đó dẫn tới tình trạng nam giới nhận thức về các vấn đề BLGD còn kém cũng như hiểu biết về các dịch vụ CTXH với nam giới gây bạo lực rất hạn chế.

Thông qua Bảng 3, xét yếu tố tương quan trên ba khu vực với đặc điểm thuộc năng lực của nhân viên CTXH và cán bộ địa phương trong việc đánh giá các nguyên nhân gây cản trở đến hiệu quả triển khai các dịch vụ CTXH với nam giới nhằm giảm thiểu BLGD, nghiên cứu thu được những kết quả như sau: tỉ lệ nam giới đánh giá rằng thái độ cơ quan cung cấp dịch vụ chưa tốt, ít nhân viên hỗ trợ, nhân viên xã hội thiếu chuyên nghiệp, kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế cao nhất ở huyện Hải Hà, sau đó đến thành phố Hạ Long và thấp nhất ở huyện Vân Đồn. Điều này phần nào lí giải được vì sao tỉ lệ bạo lực trên cả bốn nhóm hình thức bạo lực của nam giới với vợ ở huyện Vân Đồn luôn là thấp nhất trong ba khu vực và ngược lại, tỉ lệ bạo lực ở cả bốn nhóm hầu hết tập trung cao ở huyện Hải Hà. Nói cách khác, ở khu vực nào các công tác triển khai dịch vụ càng tốt thì tỉ lệ bạo lực càng thấp và ngược lại.

*Thứ hai, yếu tố thuộc về các dịch vụ CTXH với nam giới nhằm giảm thiểu BLGD*

Đánh giá của những nam giới đã có trải nghiệm sử dụng năm dịch vụ CTXH với nam giới nhằm giảm thiểu BLGD bao gồm: truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức, dịch vụ tư vấn pháp lí, dịch vụ hỗ trợ việc làm, dịch vụ tham vấn cá nhân và câu lạc bộ (CLB), nhóm nam giới cho thấy các dịch vụ hỗ trợ có ảnh hưởng tích cực đến việc giảm thiểu các hành vi bạo lực của nam giới với vợ. Việc sinh hoạt CLB cũng giúp các nhóm viên giảm dần hành vi bạo lực với vợ, đặc biệt là các thành viên CLB đã có nhiều hành vi thể hiện sự chia sẻ yêu thương với người vợ của mình hơn (Hoàng Tuyết Mai, 2021; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội & UNICEF VietNam, 2017).

## **4. KẾT LUẬN**

Nghiên cứu cho thấy tình trạng bạo lực của nam giới diễn ra trên cả bốn nhóm bạo lực với đa dạng các hành vi khác nhau. Trong đó, hành vi bạo lực tinh thần là dạng bạo lực nam giới sử dụng nhiều nhất, sau đó đến bạo lực kinh tế, bạo lực thể xác và ít nhất là hành vi bạo lực tình dục. Việc này sinh các hành vi bạo lực bị ảnh hưởng bởi các yếu tố về đặc điểm của nam giới bao gồm trình độ học vấn, khu vực sinh sống và mức thu nhập.

Mức sống gia đình thấp dễ dẫn đến tình trạng căng thẳng và làm tăng nguy cơ nam giới có hành vi bạo lực với vợ. Nam giới sinh sống ở khu vực huyện Vân Đồn có tỉ lệ sử dụng các hành vi bạo lực thấp hơn so với hai khu vực còn lại do bị chi phối bởi các yếu tố về đặc điểm của nam giới và các yếu tố khách quan khác, trong đó phần lớn do công tác triển khai các dịch vụ CTXH với nam giới nhằm giảm thiểu BLGD ở huyện đảo Vân Đồn được nam giới đánh giá là hiệu quả và tiến bộ nhất trong cả ba khu vực khảo sát.

Trình độ học vấn của nam giới quyết định hành vi sử dụng loại bạo lực nào với vợ khi nam giới có trình độ học vấn cao thì tỉ lệ có hành vi bạo lực tinh thần cao hơn và ngược lại, nam giới có trình độ học vấn thấp thường sử dụng các hành vi bạo lực thể xác nhiều hơn.

Ngoài ra, yếu tố thuộc về quản lý và dịch vụ CTXH cũng có ảnh hưởng đến việc hạn chế hành vi bạo lực của chồng đối với vợ. Cơ quan quản lý có trách nhiệm khi có đội ngũ cán bộ làm công tác triển khai dịch vụ càng tốt thì tỉ lệ bạo lực càng thấp và ngược lại. Ngoài ra, các dịch vụ CTXH cũng hỗ trợ nam giới góp phần giảm thiểu hành vi bạo lực của họ với vợ. Từ đó thấy được nếu tỉ lệ nam giới được tiếp cận và sử dụng dịch vụ CTXH với nam giới nhiều hơn nữa thì hiệu quả mang lại sẽ rất cao trong việc giảm thiểu được BLGD hiện nay (UNODC Vietnam, 2011).

Các kết quả phân tích ở trên gợi ra một số vấn đề cần quan tâm dưới đây nhằm huy động sự tham gia của nam giới vào việc phòng chống BLGD và thúc đẩy các dịch vụ CTXH với nam giới gây ra bạo lực ở Việt Nam triển khai hiệu quả:

Một là, tăng mức đầu tư hỗ trợ cho công tác phòng chống BLGD để huy động sự tham gia của nam giới tham gia các dịch vụ CTXH nhằm giảm thiểu BLGD bằng nhiều hoạt động khác nhau; mở rộng và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ CTXH ở tất cả địa phương không phân biệt vị trí địa lý và đặc điểm cộng đồng hướng tới sự đồng bộ về chất lượng nội dung cũng như tần suất hoạt động của các dịch vụ CTXH với nam giới nhằm giảm thiểu BLGD (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội & UNICEF VietNam, 2017).

Hai là, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ có trách nhiệm trong công tác triển khai các dịch vụ CTXH với nam giới nhằm giúp họ có đầy đủ kiến thức và kỹ năng, linh hoạt và chủ động trong quá trình làm việc với đối tượng là nam giới gây bạo lực.

Ba là, tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức và quảng bá các loại hình dịch vụ CTXH đến với mọi nhóm nam giới trong xã hội nhằm tăng khả năng hiểu biết, tiếp cận và sự tham gia của nam giới với các dịch vụ CTXH.

Bốn là, triển khai hoạt động truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi nói không với BLGD cho nam giới tuổi vị thành niên tại trường học từ hệ trung học phổ thông trở lên. Hiểu biết và nhận thức được càng sớm thì nguy cơ sử dụng bạo lực của nam giới sau khi trưởng thành lập gia đình sẽ càng thấp (UNFPA & Vụ Bình đẳng giới, 2015).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội & UNICEF VietNam. (2017). *Tài liệu hướng dẫn thực hành Công tác xã hội với phòng, chống bạo lực gia đình (Dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở)*.
- Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNODC VietNam). (2011). *Tăng cường năng lực cho cơ quan hành pháp và tư pháp phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam (VNM/T28)*.
- Hoàng Tuyết Mai. (2021). *Dịch vụ công tác xã hội với nam giới trong việc giảm thiểu bạo lực gia đình thực tiễn tại Quảng Ninh*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.
- Ministry of Labour Invalid and Social Affairs (MOLISA), General Statistic Office (GSO), & UNFPA. (2020). *Summary Report: Results of the National Study on Violence against Women in VietNam 2019 – Journey for Change UNICEF VietNam (8/2020), Rapid assessment on the social and economic impacts of COVID-19 on children and families in VietNam*.
- Quỹ dân số liên hợp quốc (UNFPA) & Vụ Bình đẳng giới (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội). (2015). *Sổ tay hướng dẫn cán bộ công tác xã hội làm việc với người gây bạo lực*.